

Số: 106/2018/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 11 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2018 giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Quách Thị Thùy M; sinh năm: 1981;

Trú tại: Số nhà 63, đường P, phố L, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

* **Bị đơn:** Anh Phạm Kiêm L; sinh năm : 1981;

HKTT: Xóm 6, thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện trú tại: Số nhà 933, đường T, phường V, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quách Thị Thùy M và anh Phạm Kiêm L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Quách Thị Thùy M và anh Phạm Kiêm L đều xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Tuấn A; sinh ngày 17/7/2017. Khi ly hôn, chị M và anh L đều thống nhất để chị M nuôi cháu Phạm Tuấn A. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 800.000đồng/tháng

(Tám trăm nghìn đồng) kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu Tuấn A trưởng thành. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị M có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh L không thi hành thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất chậm trả quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Quách Thị Thùy M và anh Phạm Kiêm L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Chị Quách Thị Thùy M và anh Phạm Kiêm L thống nhất thỏa thuận chị M nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị M phải nộp là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000713 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình. Chị M được hoàn trả lại 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Kiêm L phải nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1);
- VKDNDTP. Ninh Bình (2);
- CCTHADS TP. Ninh Bình (1);
- UBND phường Phúc Thành (1);
- Các đương sự;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Thủy